

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 730 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH 13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 581-TB/TU ngày 27/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của UBND huyện Việt Yên tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 20/9/2019; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 308/BC-SXD ngày 20/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 (kèm theo hồ sơ bản vẽ và thuyết minh), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi và ranh giới:

a) *Vị trí, ranh giới nghiên cứu:*

Phạm vi lập Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 được xác định là toàn bộ phạm vi trong địa giới hành chính của huyện Việt Yên được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên;

- Phía Nam: Giáp thành phố Bắc Ninh và huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh;

- Phía Đông: Giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang;
- Phía Tây: Giáp huyện Hiệp Hòa và phía Tây Nam giáp huyện Yên Phong (Bắc Ninh).

b) Quy mô khu vực lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch: 17.101,3ha, gồm 19 đơn vị hành chính trong đó có 02 thị trấn và 17 xã;
- Quy mô dân số hiện trạng khu vực lập Quy hoạch khoảng: 171.000 người.

2. Tính chất:

- Là Đô thị cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành kinh tế chủ đạo là: Công nghiệp, dịch vụ trung chuyên, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo, sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp văn hóa tâm linh;
- Có vị trí trung gian quan trọng nối trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên;
- Là một trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng;
- Là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

3. Quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2025: 232.000 người (trong đó nội thị là: 142.000 người);
- Dân số đến năm 2035: 280.000 người (trong đó nội thị là: 179.000 người).

4. Cơ cấu sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất:

STT	Danh mục sử dụng đất	Quy hoạch 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng cộng đất toàn đô thị	17,101.31	100
	Đất khu vực nội thị	7.730,52	45,21
	Đất ngoại thị	9.370,79	54,79
II	Đất khu vực nội thị (A+B)	7.730,52	45,21
<i>A</i>	<i>Đất xây dựng</i>	<i>4.093,45</i>	<i>23,94</i>
<i>A1</i>	<i>Đất dân dụng</i>	<i>2.183,34</i>	<i>12,77</i>
1	Đất đơn vị ở	1.616,71	9,45
	<i>Đất ở hiện trạng</i>	<i>943,12</i>	<i>5,51</i>
	<i>Đất ở xây mới</i>	<i>673,59</i>	<i>3,94</i>
2	Đất công trình công cộng đô thị	71,68	0,42
3	Đất cây xanh - công viên - TDTT	116,48	0,68
4	Đất giao thông đô thị	378,47	2,21
<i>A2</i>	<i>Đất ngoài dân dụng</i>	<i>1.910,11</i>	<i>11,17</i>
1	Đất trụ sở cơ quan	13,39	0,08
2	Đất công nghiệp	1.105,20	6,46
3	Đất sản xuất kinh doanh	73,20	0,43

4	Đất trường THPT	8,08	0,05
5	Đất trường chuyên nghiệp	29,50	0,17
6	Đất Y tế chuyên sâu	6,14	0,04
7	Đất TM-dịch vụ hỗn hợp	115,31	0,67
8	Đất tôn giáo, cơ sở văn hóa, di tích	21,04	0,12
9	Đất du lịch	12,25	0,07
10	Đất giao thông đối ngoại	410,01	2,4
11	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	24,03	0,14
12	Đất An ninh, quốc phòng	26,43	0,15
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	65,52	0,38
B	Đất khác	3.637,07	21,27
1	Đất cây xanh sinh thái, cây xanh chuyên đề	352,07	2,06
2	Đất xây xanh cách ly	117,84	0,69
3	Sông suối, mặt nước chuyên dùng	313,87	1,84
4	Đất lâm nghiệp, đồi núi	225,18	1,32
5	Đất sản xuất nông nghiệp	2.056,97	12,03
6	Đất nuôi trồng thủy sản	415,12	2,43
7	Đất dự trữ, đất chưa sử dụng	156,02	0,91
III	Đất khu vực ngoại thị	9.370,79	54,79
A	Đất xây dựng	2.739,97	16,02
1	Đất khu dân cư nông thôn	967,39	5,66
	<i>Đất ở hiện trạng</i>	776,85	4,54
	<i>Đất ở xây mới</i>	173,18	1,01
2	Đất công cộng, cây xanh, TĐTT	152,15	0,89
3	Đất trụ sở cơ quan, hành chính sự nghiệp	3,36	0,02
4	Đất công nghiệp	633	3,7
5	Đất sản xuất kinh doanh, khai thác VLXD	58,07	0,34
6	Đất Giáo dục, trường đào tạo cấp vùng	1,31	0,01
7	Đất TM-dịch vụ hỗn hợp	192,19	1,12
8	Đất tôn giáo, cơ sở văn hóa, di tích	35,31	0,21
9	Đất giao thông	590,12	3,45
10	Đất hạ tầng kỹ thuật	15,64	0,09
11	Đất An ninh, quốc phòng	20,45	0,12
12	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	70,99	0,42
B	Đất khác	6.630,82	38,77
1	Đất cây xanh sinh thái, cây xanh cách ly, cây xanh chuyên đề	267,2	1,56
2	Sông suối, mặt nước chuyên dụng, thủy lợi	494,14	2,89
3	Đất nông nghiệp	4.186	24,48
4	Đất nông nghiệp chất lượng cao	50	0,29
5	Đất nuôi trồng thủy sản	684,9	4
6	Đất lâm nghiệp, đồi núi	616,6	3,61
7	Đất dự trữ phát triển, đất chưa sử dụng	332	1,94

5. Định hướng phát triển không gian:

- Định hướng phát triển lan tỏa từ đô thị trung tâm là TT Bích Động, hướng sang phía Tây và Tây Nam khu vực xã Bích Sơn, Quảng Minh, Hoàng Ninh, TT Nénh và xã Ninh Sơn. Đây là hướng phát triển các khu vực đô thị tổng hợp, bao gồm các chức năng chính về phát triển dân cư đô thị, hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại và du lịch;

- Hướng phát triển thứ hai về phía Nam và Đông Nam huyện, dọc theo trục cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn: Phát triển công nghiệp tập trung và các khu dân cư, dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Hướng phát triển thứ ba dọc tuyến đường vành đai IV Thủ đô Hà Nội, bao gồm các chức năng về công nghiệp (KCN mới Hòa Yên, Cụm CN Ninh Sơn, Cụm CN Vân Hà) và dân cư gắn với dịch vụ du lịch: du lịch văn hóa tâm linh (Cụm di tích chùa Bồ Đà), du lịch thắng cảnh - Sân golf núi Voi, du lịch văn hóa phi vật thể các làng quan họ Ninh Sơn và Nénh, du lịch làng nghề Vân Hà;

- Hướng phía Bắc huyện: Phát triển phân tán trên cơ sở các cụm công nghiệp, điểm dân cư hiện có. Hình thành các điểm dân cư mới gắn với các trung tâm xã cung cấp dịch vụ cho dân cư các xã nông thôn.

6. Phân vùng phát triển không gian đô thị:

Toàn đô thị Việt Yên chia làm 8 khu vực phát triển như sau:

- *Khu số 1: Khu đô thị trung tâm (Bích Động, Bích Sơn):* Tổng diện tích khoảng 1.079ha. Dân số khoảng 31.440 người, gồm các chức năng: Khu dân cư TT Bích Động hiện hữu và các khu đô thị phát triển mới, khu trung tâm hành chính, văn hóa, TĐTT, dịch vụ thương mại hiện trạng và phát triển mới, trung tâm giáo dục đào tạo, dịch vụ vận tải...

- *Khu số 2: Khu đô thị dịch vụ công nghiệp phía Đông (Hồng Thái, Tăng Tiến):* Tổng diện tích khoảng 1.142ha. Dân số khoảng 35.140 người, gồm các chức năng: Các Khu công nghiệp (Việt Hàn - Vinasolar), cụm công nghiệp Tăng Tiến và các khu dân cư hiện hữu, khu dân cư dịch vụ thương mại hỗn hợp phục vụ công nghiệp.

- *Khu số 3: Khu đô thị dịch vụ thương mại (TT Nénh, Hoàng Ninh):* Tổng diện tích khoảng 817ha. Dân số khoảng 32.180 người, gồm các chức năng: Khu dân cư TT Nénh hiện hữu và các khu đô thị phát triển mới, Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ, khu trung tâm dịch vụ thương mại hiện trạng và phát triển mới, dịch vụ vận tải, trung chuyển, khu công nghiệp và các khu dân cư dịch vụ thương mại phục vụ công nghiệp.

- *Khu số 4: Khu đô thị công nghiệp phía nam cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (Vân Trung, Quang Châu):* Tổng diện tích khoảng 1.875ha. Dân số khoảng 29.300 người, gồm các chức năng: Các khu công nghiệp tập trung (Quang Châu và Vân Trung), các khu dân cư hiện trạng và dân cư mới dịch vụ phục vụ công nghiệp, vùng khai thác du lịch sinh thái lâm nghiệp núi Nham Biền.

- *Khu số 5: Khu đô thị mới văn hóa sinh thái (Ninh Sơn, Quảng Minh):* Tổng diện tích khoảng 1.437ha. Dân số khoảng 34.430 người, gồm các chức

năng: Khu dân cư hiện trạng thuộc các xã Ninh Sơn, Quảng Minh, khu đô thị sinh thái văn hóa Ninh Sơn, khu trung tâm dịch thương mại hỗn hợp và đô thị mới xã Quảng Minh.

- *Khu số 6: Khu vực phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn di tích và làng nghề (Trung Sơn, Tiên Sơn, Vân Hà):* Tổng diện tích khoảng 2.409ha. Dân số khoảng 38.500 người, gồm các chức năng: Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà, khu khai thác du lịch Sân golf núi Voi xã Trung Sơn, làng văn hóa du lịch Vân Hà, cụm công nghiệp Vân Hà, các khu dân cư hiện trạng, dân cư nông thôn phát triển mới tại Vân Hà, các cụm dịch vụ thương mại du lịch và khu vực nông nghiệp.

- *Khu số 7: Khu vực phát triển công nghiệp phía Tây gắn với đường vành đai IV (Tiên Sơn, Trung Sơn, Tự Lạn, Việt Tiến, Hương Mai):* Tổng diện tích khoảng 2.758ha. Dân số khoảng 35.000 người, gồm các chức năng: Khu công nghiệp mới Tự Lạn - Bích Sơn - Trung Sơn, cụm CN Việt Tiến, cụm CN phía Tây Việt Tiến (phía Nam QL37), dân cư phục vụ KCN mới và làng xóm hiện hữu thuộc các xã Tiên Sơn, Trung Sơn, Hương Mai, Tự Lạn, Việt Tiến.

- *Khu số 8: Khu vực làng xóm đô thị hóa, phát triển nông nghiệp sinh thái (Việt Tiến, Thượng Lan, Minh Đức, Nghĩa Trung):* Tổng diện tích khoảng 5.578ha. Dân số khoảng 44.000 người, gồm các chức năng: Các điểm dân cư nông thôn và dịch vụ phát triển mới tại trung tâm các xã Thượng Lan, Minh Đức và Nghĩa Trung; các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng cảnh quan khai thác đồi rừng phát triển du lịch xã Minh Đức và Nghĩa Trung; các khu dân cư hiện trạng, dân cư phát triển mới tại xã Minh Đức và các vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao tại xã Việt Tiến.

7. Định hướng phát triển các khu chức năng đô thị:

a) Khu vực phát triển dân cư:

Phát triển dân cư tại các khu vực chính sau:

- Khu vực thị trấn Bích Động và xã Bích Sơn: Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển mở rộng thêm các khu dân cư mới;

- Khu vực thị trấn Nénh và xã Hoàng Ninh: Phục vụ các khu công nghiệp lân cận. Khu dân cư hiện trạng được cải tạo, chỉnh trang theo hình thức đan xen, nâng cấp mở rộng một số tuyến đường chính để kết nối với khu dân cư xây dựng mới;

- Khu vực xã Ninh Sơn: Hình thành một khu đô thị sinh thái văn hóa;

- Khu vực xã Quảng Minh: Hình thành trên cơ sở khai thác quỹ đất phía Bắc đường vành đai IV Thủ đô Hà Nội, dọc theo tuyến đường chính đô thị quy hoạch mới kết nối thị trấn Bích Động - Bích Sơn và khu đô thị sinh thái Ninh Sơn;

- Khu vực xã Hồng Thái, Tăng Tiến: Bao gồm khu vực dân cư làng xóm hiện trạng và các khu dân cư mới phục vụ các KCN;

- Khu vực xã Vân Trung, Quang Châu: Gồm khu vực dân cư làng xóm hiện trạng và các khu dân cư mới phục vụ các KCN;

- Khu vực xã Tự Lạn: Bao gồm khu vực dân cư làng xóm hiện trạng và các khu dân cư mới phục vụ KCN Bích Sơn - Tự Lạn;

- Khu dân cư làng xóm ngoại thị khác.

b) Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp:

- Các khu công nghiệp: Quy hoạch 6 Khu công nghiệp trong đó 3 KCN đã đầu tư xây dựng hạ tầng, các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, 1 khu công nghiệp đã phê duyệt quy hoạch (KCN Việt Hàn) và đề xuất xây dựng thêm 2 KCN cụ thể như sau:

+ Các khu công nghiệp đã được thành lập và đang triển khai thực hiện:

Khu Công nghiệp Quang Châu: Diện tích xây dựng KCN khoảng 426ha;

Khu Công nghiệp Vân Trung: Tổng diện tích KCN khoảng 366ha (trong đó khoảng 350ha đất công nghiệp, khu nhà ở công nhân khoảng 16ha);

Khu công nghiệp Đình Trám: Diện tích khoảng 93,49ha.

+ Các khu công nghiệp quy hoạch mới:

Khu công nghiệp Việt Hàn (Vinasolar) đã được phê duyệt quy hoạch với diện tích khoảng 197,3ha;

Quy hoạch mới Khu công nghiệp Bích Sơn - Tự Lạn - Trung Sơn: Vị trí tại khu vực phía Nam Quốc lộ 37, thuộc 04 xã Bích Sơn - Tự Lạn - Trung Sơn và một phần của xã Hương Mai, quy mô dự kiến khoảng 300ha;

Quy hoạch mới Khu Công nghiệp Hòa Yên: Vị trí tại 02 xã Trung Sơn và xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên và xã Đông Lỗ huyện Hiệp Hòa (đọc Vành đai IV Hà Nội), quy mô khoảng 400ha.

- Các cụm công nghiệp: Quy hoạch 6 cụm công nghiệp trong đó 03 cụm hiện có (thực hiện mở rộng 02/03 cụm) và 03 cụm quy hoạch mới:

+ Cụm công nghiệp hiện có và dự kiến mở rộng:

Cụm công nghiệp Hoàng Mai: Diện tích khoảng 17,44ha dự kiến mở rộng lên khoảng 75ha;

Cụm công nghiệp Việt Tiến: Diện tích khoảng 29,7ha dự kiến mở rộng lên khoảng 75ha;

Cụm công nghiệp Làng nghề Vân Hà: Diện tích khoảng 15ha.

+ Cụm công nghiệp quy hoạch mới:

Cụm công nghiệp Tăng Tiến: Diện tích khoảng 36,47ha;

Cụm công nghiệp mới Trung Sơn - Ninh Sơn: Diện tích khoảng 75ha;

Cụm công nghiệp Tây Việt Tiến: Diện tích khoảng 25ha.

- Các cơ sở sản xuất khác: Hạn chế mở rộng các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ trong các khu vực nội thị. Xây dựng lộ trình dần di dời khu vực sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, chuyển đổi thành các đất hỗn hợp, dịch vụ, kho bãi, bãi đỗ xe, gara phục vụ đô thị.

c) Quy hoạch hệ thống trung tâm và phân bố các công trình công cộng:

- Trung tâm hành chính, văn hóa cấp đô thị:

+ Trung tâm hành chính huyện: Duy trì ổn định tại vị trí hiện nay thêm 1 khu liên cơ quan mới;

+ Trung tâm văn hóa: xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện tại khu vực phía Tây Nam xã Bích Sơn, gồm các công trình Bảo tàng, nhà văn hóa khoảng 2,15ha; Thư viện khoảng 0,5 - 1,0ha; Trung tâm triển lãm, hội nghị khoảng 3ha. Xây dựng mới TT văn hóa khu vực quy mô 0,5-1ha/khu tại TT Nénh và Khu đô thị mới Ninh Sơn. Đầu tư quảng trường trung tâm thị trấn Nénh. Xây dựng trung tâm văn hóa cấp phường trong các khu đô thị mới để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho người dân và lực lượng công nhân.

- Trung tâm y tế:

+ Nâng cấp Trung tâm y tế huyện Việt Yên lên quy mô 280 giường, diện tích 2,5ha. Giai đoạn sau 2030 mở rộng thêm 150 giường. Giường bệnh tối thiểu khoảng 520 giường năm 2025 và 630 giường năm 2035. Ngoài ra, dự phòng thêm quỹ đất khoảng 4-4,5 ha cho việc xây dựng cơ sở y tế để đảm bảo trong tương lai đô thị đạt tiêu chuẩn 4 giường bệnh/1.000 dân;

+ Xây dựng 1 phòng khám đa khoa tại khu đô thị mới đô thị sinh thái văn hóa Ninh Sơn và 1 phòng khám tại khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ (diện tích 0,3ha/công trình);

+ Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế thị trấn và các xã.

- Trung tâm giáo dục:

+ Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang duy trì diện tích đất hiện trạng khoảng 58ha; Trung Tâm giáo dục thường xuyên mở rộng lên 2,4ha; Các trường THPT, giai đoạn sau 2025 xây dựng mới thêm 1 trường THPT tại khu vực Đình Trám - Sen Hồ;

+ Hệ thống giáo dục các cấp (THCS, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; Xây mới thêm ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn đô thị loại IV;

+ Giai đoạn ngắn hạn đến 2020, ưu tiên đầu tư cải tạo nâng cấp một số cơ sở giáo dục như trường THCS xã Tăng Tiến, trường tiểu học xã Tăng Tiến, THCS xã Hoàng Ninh...

d) Trung tâm thương mại dịch vụ:

- Khu vực thị trấn Bích Động: Xây dựng trung tâm thương mại đầu mối chính của toàn đô thị tại khu vực phía Đông Nam thị trấn Bích Động hiện hữu;

- Khu vực thị trấn Nénh: Xây dựng hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, kho bãi luân chuyển hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp;

- Khu vực Đình Trám - Sen Hồ: Thương mại dịch vụ phục vụ dân cư đô thị và khu công nghiệp;

- Khu vực đô thị mới Ninh Sơn và Quảng Minh: Thương mại dịch vụ phục vụ dân cư, dịch vụ vận tải, xăng dầu, dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ du lịch;

- Khu vực Tiên Sơn: Thương mại dịch vụ du lịch.

đ) Quy hoạch hệ thống cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước:

- Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao mới xã Bích Sơn 13ha. Hai khu trung tâm TDTT cấp đô thị được xây mới tại TT Nénh và Khu đô thị mới Ninh Sơn;

- Công viên cây xanh: Cải tạo các ngôi, đầm trũng tại khu vực TT Bích Động, Bích Sơn, Quảng Minh và Ninh Sơn, kết hợp xây dựng các khu công viên cây xanh gắn kết với mặt nước tự nhiên tạo thành một hệ thống liên hoàn;

- Các khu công viên cây xanh chính: Đông Nam thị trấn Bích Động; khu đô thị mới Quảng Minh; đô thị mới Ninh Sơn; chùa Bồ Đà; núi Voi xã Trung Sơn; núi Nham Biền; núi xã Minh Đức và núi xã Nghĩa Trung.

e) Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu và phát triển nông nghiệp:

- Bảo tồn tôn tạo các cấu trúc làng xóm hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đấu nối với hạ tầng khung của đô thị và khu vực;

- Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp, đảm bảo duy trì các quỹ đất nông nghiệp đã được xác định giữ lại canh tác và đảm bảo thủy lợi, thoát nước, ổn định sản xuất trong quá trình đô thị hóa. Một số quỹ đất nông nghiệp đan xen giữa các cụm dân cư đã được quy hoạch có thể tiếp tục canh tác hoặc chuyển đổi chức năng khi có nhu cầu, trong đó cần ưu tiên tổ chức đường giao thông kết hợp thoát nước, sân chơi công cộng.

g) Các khu vực phát triển du lịch:

- Bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị của di tích phục vụ phát triển du lịch. Xây dựng các công trình như nhà biểu diễn, không gian nghệ thuật truyền thống, các khu dịch vụ phục vụ du lịch, bến bãi đỗ xe... đối với các khu: Khu chùa Bồ Đà, Đền thờ danh nhân văn hóa tiến sĩ Thân Nhân Trung, Làng văn hóa du lịch Vân Hà, Làng bảo tồn quan họ xã Ninh Sơn, làng Sen Hồ thị trấn Nénh, Khu sân golf dịch vụ Việt Yên, Đền thờ Hán Quận Công Thân Công Tài, Đền Mỏ Thổ, Khu du lịch sinh thái núi Nham Biền (xã Vân Trung), Khu du lịch sinh thái hệ thống núi: Con Phượng, Khuyên, Nặng Cao, Cỏ Đèo xã Nghĩa Trung...

- Phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại khu vực các xã Vân Hà (làng cổ Thổ Hà, làng nổi Nguyệt Đức, làng Yên Viên), xã Nghĩa Trung, xã Minh Đức...

7. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) *Giao thông*: Đồ án quy hoạch có các tuyến giao thông chính như sau:

* *Giao thông đối ngoại*:

- Đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn (Mặt cắt A-A): Lộ giới 120÷124m, trong đó: Lòng đường 22,5m, dải phân cách 9m, lề đường $2 \times 0,75 = 1,5$ m, hành lang bảo vệ đường bộ $2 \times (25-27) = 50-54$ m. Đường gom hai bên: Lòng đường $2 \times 10,5 = 21$, vỉa hè $2 \times (3+5) = 16$ m.

- QL37:

+ Đoạn mở rộng (Mặt cắt B-B): Lộ giới 76÷80m, trong đó: Lòng đường 27,5m, lề đường $0,75 \text{m} \times 2 = 1,5$ m, hành lang bảo vệ đường bộ 8-10m. Đường gom hai bên: Lòng đường 7,5m, vỉa hè: $3+5 = 8$ m;

+ Đoạn qua khu trung tâm (Mặt cắt B'-B'): Lộ giới 27m, lòng đường $7,5 \text{m} \times 2 = 15$ m, vỉa hè $6 \text{m} \times 2 = 12$ m.

- Đường vành đai IV (Mặt cắt C-C): Lộ giới 60m, trong đó: Lòng đường $11,25m \times 2 = 22,5m$, dải phân cách giữa $10,5m$. Đường gom hai bên: Dải phân cách: $1+1 = 2m$, lòng đường $7,5m \times 2 = 15m$, vỉa hè $5m \times 2 = 10m$.

- Đường tỉnh 295B:

+ Đoạn qua Thị trấn Nénh (Mặt cắt D-D): Lộ giới 42m, trong đó: Lòng đường $7,5m \times 2 = 15m$. Đường gom hai bên: Lòng đường $7m \times 2 = 14m$, dải phân cách $0,5+0,5 = 1,0m$, vỉa hè $6m \times 2 = 12m$;

+ Đoạn qua Khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ (Mặt cắt D'-D'): Lộ giới 39-44,6m, trong đó: Lòng đường $15m$. Đường gom hai bên: Lòng đường $7m \times 2 = 14m$, dải phân cách $(0,5-1,0)+(1,5-6,5m) = 2-7,5m$, vỉa hè $4m \times 2 = 8m$;

+ Các đoạn còn lại (Mặt cắt D''-D''): Lộ giới 23m-42m, trong đó: Lòng đường $7,5m \times 2 = 15,0m$, vỉa hè: $(4-6) \times 2 = 8-12m$; đường gom tối thiểu $7m$, dải phân cách $0,5m \times 2 = 1,0m$.

- Đường tỉnh 298 (Mặt cắt E-E): Lộ giới 27m, trong đó: Lòng đường $7,5m \times 2 = 15m$, vỉa hè $6m \times 2 = 12m$.

- Đường đê sông Cầu (Mặt cắt G-G): Lộ giới 20m, lòng đường $12m$.

* Giao thông đô thị:

- Đường chính đô thị:

+ Mặt cắt 1-1 (đường nối cảng Quang Sơn - cảng Quang Châu): Lộ giới 60m, trong đó: Lòng đường $10,5m \times 2 = 21m$, dải phân cách giữa $6m$. Đường gom hai bên: Dải phân cách $1,5m \times 2 = 3m$, lòng đường $7,5m \times 2 = 15m$, vỉa hè: $7,5m \times 2 = 15m$;

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới 56m, trong đó: Lòng đường $15m \times 2 = 30m$, dải phân cách giữa $10m$, vỉa hè $8m \times 2 = 16m$.

- Đường liên khu vực:

+ Mặt cắt 3-3: Lộ giới 36m, trong đó: Lòng đường: $10,5m \times 2 = 21m$, dải phân cách giữa $5m$, vỉa hè $5m \times 2 = 10m$;

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới 39m, trong đó: Lòng đường $10,5m \times 2 = 21m$, dải phân cách giữa $8m$, vỉa hè $5m \times 2 = 10m$;

+ Mặt cắt 5-5: Lộ giới 38m, trong đó: Lòng đường $10,5m \times 2 = 21m$, dải phân cách giữa $5m$, vỉa hè $6m \times 2 = 12m$;

+ Mặt cắt 6-6: Lộ giới 35m, trong đó: Lòng đường $10,5m \times 2 = 21m$, dải phân cách giữa $4m$, vỉa hè $5m \times 2 = 10m$.

- Đường chính khu vực và đường khu vực:

+ Mặt cắt 7-7: Lộ giới từ $25 \div 27m$, trong đó: Lòng đường $7,5m \times 2 = 15m$, vỉa hè mỗi bên $5 \div 6m$;

+ Mặt cắt 8-8: Lộ giới từ $20,5-22,5m$, trong đó: Lòng đường $5,25m \times 2 = 10,5m$, vỉa hè: mỗi bên $5 \div 6m$.

* Cầu, cống, nút giao:

- Cầu cống: Cải tạo nâng cấp các cầu hiện trạng. Xây dựng mới 03 cầu

qua sông Cầu và 05 cầu qua ngòi Đa Mai. Xây dựng 05 cầu vượt đường sắt đảm bảo an toàn và các yêu cầu kỹ thuật;

- Nút giao thông: Xây dựng 02 nút trực thông khác mức: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang và QL37; Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang và Đường vành đai IV. Hoàn thiện hệ thống đường gom đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và đường gom đường sắt HN-LS và đường vành đai IV.

* Bến, bãi đỗ xe: Xây dựng bến xe khách tại Vân Cốc xã Vân Trung đạt tiêu chuẩn bến xe loại 3, bến xe Nénh kết hợp bãi đỗ xe tỉnh phục vụ nhu cầu dừng đỗ và trung chuyển hành khách tại phía Nam thị trấn Nénh, cạnh ĐT295B với diện tích 2,3ha. Xây dựng các bãi đỗ xe đảm bảo cho nhu cầu nội tại của từng khu chức năng.

* Đường sắt: Cải tạo, nâng cấp từng bước đưa vào cấp kỹ thuật đường sắt quốc gia tuyến Hà Nội (Yên Viên) - Lạng Sơn (Đồng Đăng). Từng bước xóa bỏ các đường ngang dân sinh, xây dựng hệ thống đường ngang có phòng vệ, đường gom, rào cách ly, rào bảo vệ hành lang an toàn. Mở rộng ga Sen Hồ vừa phục vụ hàng hóa, hành khách.

* Đường thủy: Duy tu, nạo vét thông luồng với tiêu chuẩn luồng tuyến đạt cấp III. Xây dựng bến bãi Quang Châu tại Bãi Hồ, thôn Quang Biểu, xã Quang Châu, diện tích: 2,25ha. Xây dựng cảng Đạo Ngạn II (xã Quang Châu), cảng Phù Tài (xã Tiên Sơn), cảng Trúc Tay, có kết hợp bến khách qua sông (xã Vân Trung).

* Bến thủy nội địa: Dừng hoạt động các bến như: Văn Chỉ (xã Vân Hà), Lương Tài (xã Tiên Sơn), Chùa Giộc, Lải Vạn. Duy trì, cải tạo các bến hiện có: Bến Phù Tài, Bến Hạ Lát, Bến Đình Vân, Bến Thổ Hà.

b) Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

* Hệ thống công trình phòng chống lũ:

- Hoàn thiện và duy tu các tuyến đê sông Cầu, ngòi Đa Mai đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ;

- Tăng cường công tác quản lý hành lang đê điều, khai thác vật liệu xây dựng trong lòng sông, bãi sông, làm ảnh hưởng dòng chảy thoát lũ và môi trường nước sông Cầu, ngòi Đa Mai.

* Nền xây dựng:

- Khu vực cải tạo: Giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng, tại các khu vực lồi trũng tôn nền cục bộ nhằm kết nối hài hòa với khu vực lân cận, tổ chức hệ thống thoát nước và kết nối với hệ thống thoát nước hiện có tránh gây ngập úng cục bộ.

- Khu vực xây mới: Dự kiến xây dựng trên nền hiện trạng, chỉ san gạt cục bộ tại một số điểm nhằm tạo độ dốc êm thuận cho giao thông và đảm bảo thoát nước, tạo sự hài hòa về nền xây dựng của khu vực mới và cũ.

- Khống chế cao độ nền tại một số khu vực:

+ Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Bích Động: $H_{xdmin} \geq 6m$;

+ Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Nénh: $H_{xdmin} \geq 4,5m$.

* Thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho các khu vực trung tâm thị trấn, các khu đô thị mới, các cụm công nghiệp (Giai đoạn ngắn hạn thoát chung, dài hạn thoát riêng). Tại các khu dân cư thôn xóm nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại công trình được thoát chung vào hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa hoạt động theo chế độ tự chảy;

- Công trình đầu mối: Xây mới hệ thống kênh tiêu B=20÷50m, kè 2 bên bờ kênh kết hợp đường giao thông;

- Nâng cấp 6 trạm bơm tiêu: Giá Sơn, Nội Ninh, Hữu Nghi, Trúc Núi, Việt Hòa, Me để đảm bảo hệ số tiêu cho đô thị Việt Yên.

- Toàn huyện Việt Yên có 5 lưu vực tiêu thoát nước mưa chính:

+ Lưu vực 1: Thoát về ngòi Phú Khê rồi thoát tự chảy ra sông Thương, diện tích lưu vực khoảng 652ha;

+ Lưu vực 2: Thoát về ngòi Đa Mai rồi thoát tự chảy ra sông Thương, diện tích lưu vực khoảng 8.497ha;

+ Lưu vực 3: Thoát về ngòi Cống Bún rồi thoát ra sông Thương qua trạm bơm Cống Bún, diện tích lưu vực khoảng 1.598ha;

+ Lưu vực 4: Thoát về ra sông Cầu qua các trạm bơm tiêu, diện tích lưu vực khoảng 5.702ha;

+ Lưu vực 5: Một phần xã Hương Mai và xã Việt Tiến thoát về kênh tiêu Yên Ninh, huyện Hiệp Hòa rồi thoát ra sông Cầu, diện tích lưu vực khoảng 662ha.

c) Cấp nước:

- *Tổng nhu cầu dùng nước:*

+ Giai đoạn 2018-2025: Khoảng 65.000m³/ngđ (Nước sinh hoạt: 35.000m³/ngđ, Nước công nghiệp: 30.000m³/ngđ);

+ Giai đoạn 2026-2035: Khoảng 100.000m³/ngđ (Nước sinh hoạt: 60.000m³/ngđ, Nước công nghiệp: 40.000m³/ngđ).

- *Các công trình đầu mối:*

+ Cấp nước đô thị và nông thôn: Bổ sung nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước DNP Bắc Giang cấp cho đô thị Việt Yên giai đoạn 1: 25.000m³/ngđ và giai đoạn 2: 50.000m³/ngđ;

+ Các nhà máy nước gồm: NMN Việt Yên GĐ1: 9.000m³/ngđ, GĐ2 nâng công suất lên 25.000 m³/ngđ; NMN xã Quang Châu: 12.000m³/ngđ, nguồn nước sông Cầu và bổ sung nguồn nước sạch DNP Bắc Giang;

+ Các trạm bơm tăng áp: Bích Động GĐ1: 15.000m³/ngđ, GĐ2: 25.000m³/ngđ; Tăng Tiến GĐ1: 3.000m³/ngđ, GĐ2: 4.000 m³/ngđ, nguồn nước sạch từ NMN Việt Yên và bổ sung nguồn nước sạch từ DNP Bắc Giang; Tự Lạn GĐ1: 6.500m³/ngđ, GĐ2: 10.000m³/ngđ, nguồn nước từ trạm bơm tăng áp Bích Động;

+ Trạm cấp nước Vân Hà GĐ1: 1.500m³/ngđ, nguồn nước sông Cầu, GĐ2

chuyển đổi thành TB tăng áp 2.000 m³/ngđ, nguồn nước sạch từ NMN Việt Yên.

- Cấp nước khu công nghiệp:

+ Các nhà máy nước: Quang Châu GD1+2: 10.000m³/ngđ; Vân Trung GD1+2: 6.000m³/ngđ; Hòa Yên GD1: 4.500m³/ngđ, GD2: 8.500m³/ngđ; Bích Sơn - Tự Lan GD1: 4.500m³/ngđ, GD2: 6.500m³/ngđ nguồn nước mặt sông Cầu;

+ Khu công nghiệp Việt Hàn và Đình Trám dự kiến lấy nước từ nguồn nước sạch DNP Bắc Giang về với tổng nhu cầu GD1: 5.000m³/ngđ, GD2: 7.000m³/ngđ.

- Mạng lưới cấp nước: Căn cứ vào mạng lưới cấp nước hiện có, thiết kế thêm các tuyến ống mới đảm bảo cấp nước tới các hộ tiêu thụ. Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng và một số mạng nhánh có đường kính Ø110mm÷Ø500mm, vật liệu ống cấp nước chủ yếu chọn ống HDPE và ống gang; Đường ống truyền dẫn Ø710mm lấy nước từ trạm bơm tăng áp của nhà máy nước DNP - Bắc Giang về cấp cho khu đô thị Việt Yên qua 2 điểm đầu nối:

+ Điểm đầu nối 1: Cấp nước cho trạm bơm tăng áp Bích Động, Tăng Tiến và KCN Việt Hàn, Đình Trám;

+ Điểm đầu nối 2: Cấp nước cho nhà máy nước Việt Yên và nhà máy nước xã Quang Châu.

d) *Cấp điện*: Tổng nhu cầu dùng điện theo tính toán đến 2035 khoảng 616,4MW. Trong đó công nghiệp chiếm khoảng 431,6MW.

- Nguồn điện: Tuân thủ theo Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Giang: Xây dựng mới 1 trạm 220kV Quang Châu và 1 trạm 110kV Việt Hàn, nâng cấp trạm 110kV Vân Trung hiện có; nâng cấp trạm 110kV Quang Châu; bổ sung thêm 2 trạm 110kV KCN Tự Lan – Bích Sơn và KCN Hòa Yên.

- Lưới điện: Thiết kế lưới điện 110kV sẽ đảm bảo tiêu chí N-1, mỗi trạm 110kV được cấp điện từ 2 đường dây 110kV trở lên. Riêng 2 tuyến 110kV đi Quang Châu đã hết quỹ đất ven QL1A không thể bố trí 2 tuyến cột riêng biệt, dự kiến sẽ cải tạo 2 tuyến đi chung cột (3 mạch); Lưới trung áp sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV; Trạm biến áp lưới 22/0,4kV: tuân thủ theo thiết kế sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị.

e) *Thoát nước thải, Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang*:

- *Định hướng quy hoạch thoát nước thải*:

+ Tổng lượng nước thải phát sinh đến năm 2035 là 60.503m³/ngđ;

+ Tại thị trấn Bích Động - Bích Sơn, quy hoạch trạm SH1: 8.000m³/ngđ;

+ Tại thị trấn Nénh và phụ cận, quy hoạch mới trạm SH2: 12.000m³/ngđ;

+ Tại các khu vực ngoại thị, các xã, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung.

- *Định hướng quy hoạch quản lý chất thải rắn*:

+ Tiếp tục sử dụng bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh hiện có (tại thôn Đông, thị trấn Bích Động) trong giai đoạn đầu đến trước năm 2025;

+ Giai đoạn 2025-2035 quy hoạch xây dựng mới nhà máy xử lý chất thải rắn tại khu vực xã Thượng Lan, công suất 200 tấn/ngày, quy mô khoảng 10ha;

+ Tại các xã trong huyện, xây dựng các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh theo quy hoạch nông thôn mới đã được duyệt để xử lý CTR sinh hoạt, không nguy hại;

+ CTR công nghiệp và CTR nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý CTR cấp vùng của tỉnh.

- *Định hướng quy hoạch nhà tang lễ và nghĩa trang tập trung.*

+ Nhà tang lễ: Dự kiến quy hoạch mới một nhà tang lễ phục vụ cho toàn đô thị, có diện tích 1 ha, vị trí gần bệnh viện đa khoa huyện;

+ Đối với nghĩa trang hiện có sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

+ Nghĩa trang quy hoạch mở rộng và nâng cấp cải tạo: Tuân thủ Quyết định số 198/QĐ-UBND về Quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tổng diện tích nghĩa trang tập trung cải tạo và mở rộng là 7,18ha.

f) Thông tin liên lạc:

- Dự báo nhu cầu mạng: Khu vực thiết kế hiện nay nằm trong hệ thống BC-VT của tỉnh Bắc Giang. Chính vì vậy, khu vực thiết kế luôn được đảm bảo về dung lượng cũng như lưu lượng thuê bao khi có nhu cầu. Nhu cầu toàn khu vực khoảng 160.000 thuê bao.

- Chuyên mạch: Nâng cấp trạm chuyên mạch mới cho toàn khu vực với dung lượng 200.000lines.

- Truyền dẫn: Sử dụng các tuyến cáp quang từ trạm chuyên mạch mới. Tuyến cáp quang này sử dụng loại FLX-600A, hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

- Mạng ngoại vi :

+ Xây dựng hệ thống công bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng công bể để phát triển dịch vụ;

+ Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị.

- Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng đặt dọc theo trục đường, nhằm nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị. Sử dụng loại trạm BTS đa năng nhỏ gọn đảm bảo cảnh quan đô thị.

- Mạng Internet: Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc đảm bảo nhu cầu sử dụng và mỹ quan đô thị; bổ sung quy hoạch các công trình, trung tâm, trạm thông tin đầu mối tại các khu vực trong thị trấn đảm bảo bán kính phục vụ.

g) Đánh giá môi trường chiến lược: Đồ án đã đánh giá môi trường chiến

lược theo các quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng đô thị Việt Yên cần đảm bảo hạn chế tối đa các tác động làm ảnh hưởng tới đời sống về vật chất, tinh thần, cảnh quan, môi trường và phải làm động lực thúc đẩy kinh tế toàn huyện Việt Yên phát triển.

8. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

a) Các dự án trọng điểm đã và đang triển khai trong khu vực nghiên cứu:

- Lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để quản lý;
- GPMB, xây dựng hạ tầng khu dân cư Nguyễn Thế Nho;
- Khu đô thị mới thị trấn Nénh; Khu dân cư thương mại chợ mới thị trấn Bích Động; Khu số 4 và Khu dân cư mới thị trấn Bích Động;
- Khu B, khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ;
- Khu dân cư số 6, trên tuyến đường tỉnh 295B, xã Hồng Thái;
- Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến;
- Khu dân cư mới phía Bắc, xã Hồng Thái;
- Khu dân cư mới phía Đông Bắc, thị trấn Bích Động;
- Khu đô thị phía Nam thị trấn Nénh;
- Khu dân cư mới dọc đường Yên Ninh;
- Khu đô thị mới My Điền, xã Hoàng Ninh;
- Khu đô thị mới phía Nam xã Tăng Tiến.

b) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Cải tạo, mở rộng TT y tế huyện; Tu bổ, tôn tạo chùa Thổ Hà;
- Xây dựng mới TT văn hóa huyện - Trung tâm triển lãm, hội nghị, TDTT,...
- Xây dựng trường THPT mới, TT thương mại dịch vụ,...
- Đầu tư xây dựng mới tuyến đường đô thị; Đường kết nối đường tỉnh 295B với KCN Đình Trám; Đường Hồ Công Dự kéo dài; Đường kết nối đường vành đai thị trấn Bích Động với QL37; Đường kết nối đường tỉnh 298 với đường 298B,...
- Nâng cấp trạm bơm tiêu Giá Sơn, Nội Ninh, Hữu Nghi, Me;
- Nâng cấp hệ thống thoát nước TT Bích Động, TT Nénh;
- Xây dựng 01 đơn nguyên Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;
- Nâng cấp Trạm 110kV KCN Vân Trung, Quang Châu; Xây mới trạm 110kV Việt Hàn;
- Cải tạo và nâng công suất trạm bơm tăng áp Bích Động 15.000m³/ngđ, Vân Hà 1.500m³/ngđ;
- Xây mới trạm bơm tăng áp Tụ Lạn công suất 6.500m³/ngđ, Nhà máy nước KCN Hòa Yên công suất 4.500m³/ngđ, Nhà máy nước KCN Bích Sơn - Tụ Lạn công suất 4.500m³/ngđ.

Điều 2. Điều chỉnh toàn bộ địa giới hành chính của xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên ra khỏi đồ án Quy hoạch chung xây dựng thành phố Bắc Giang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 05/12/2017.

Điều 3. UBND huyện Việt Yên có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định; rà soát và cập nhật các quy hoạch khác theo quy hoạch này để đảm bảo quản lý và phát triển đồng bộ.

Điều 4. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, XD.Trung.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn